

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Đới; ông Nguyễn Văn Nho.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp S, xã TrV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1979; địa chỉ: Malaysia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị A trình bày:

Chị và anh B kết hôn vào ngày 11-01-2012 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, chị và anh B do bất đồng về quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên từ năm 2017 đến nay chị về Việt Nam và sống ly thân với anh B.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: chị và anh B có một người con chung là: C, sinh ngày 10-6-2014. Hiện tại con chung đang sống chung với chị; chị có nguyện vọng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có.

Bị đơn – anh B: Là người có quốc tịch Malaysia, Tòa án đã ủy thác tư pháp để thu thập lời khai, thông báo ngày mở phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận,

công khai chứng cứ, ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự Việt Nam nhưng anh B vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A ly hôn với anh B; Giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị A.

Anh B đã được Tòa án ủy thác tư pháp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị A ly hôn với anh B, thấy rằng:

Hôn nhân giữa chị A với anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Kể từ khi sinh con đến năm 2017, chị A về Việt Nam sinh sống cho đến nay nhưng anh B không về Việt Nam sinh sống cùng chị A. Do thời gian chung sống ngắn, bất đồng về quan điểm. Nay, chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B. Việc yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định có 01 con chung là cháu C, sinh ngày 10-6-2014. Chị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu C sống chung với chị A từ năm 2017 đến nay và cháu C có nguyện vọng sống chung với chị A là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị A có đủ điều kiện cũng như thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C; hiện tại cháu C được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để phát triển. Do đó, Hội đồng xét xử giao

cháu C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Đối với anh B không trực tiếp nuôi con chung, nhưng có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản anh B thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chị A nuôi dưỡng cháu C, nếu anh B phát hiện chị A chăm sóc, nuôi dạy con không tốt làm ảnh hưởng đến tương lai của con, thì anh B có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị ly hôn với anh B; giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Chị A phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 3.000.000 đồng tiền chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, chị A còn phải chịu chi phí phiên dịch thực tế. Ghi nhận chị A đã nộp đủ và thanh toán xong.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B.
2. Cho chị A ly hôn với anh B.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

3.1. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 10-6-2014 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh B.

3.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Chị A phải chịu 3.200.000 (ba triệu, hai trăm nghìn) đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ở nước ngoài, được trừ vào 3.200.000 (ba triệu, hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000008 ngày 04-11-2021 và Biên lai thu số 0001709 ngày 08-9-2021, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001676 ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:

Chị A được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh B được kháng cáo trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn